

Số: 2659/QĐ-TCHQ

Hà Nội, ngày 14 tháng 09 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN, ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN THEO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ 72/2015/TT-BTC

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 sửa đổi một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 72/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình thẩm định điều kiện công nhận doanh nghiệp ưu tiên, áp dụng chế độ ưu tiên, quản lý doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3949/QĐ-TCHQ ngày 27/11/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy trình thẩm định, công nhận, đánh giá lại, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và quản lý doanh nghiệp ưu tiên.

Điều 3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để chỉ đạo);
- Vụ CST, Vụ PC - BTC (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ(12b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Cẩn

QUY TRÌNH

**THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN, ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ
ƯU TIÊN, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2659/QĐ-TCHQ ngày 14/9/2015 của Tổng cục trưởng Tổng
cục Hải quan)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này hướng dẫn:

1. Các bước thẩm định điều kiện công nhận doanh nghiệp ưu tiên.
2. Các bước quản lý doanh nghiệp ưu tiên, đánh giá lại, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ doanh nghiệp ưu tiên.
3. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, xử lý các vướng mắc của doanh nghiệp, đại lý, dự án được áp dụng chế độ ưu tiên.
4. Cụm từ “doanh nghiệp ưu tiên” nêu tại quy trình này được hiểu bao gồm doanh nghiệp ưu tiên, đại lý ưu tiên, dự án ưu tiên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan.
2. Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây viết tắt là Cục Hải quan).

Điều 3. Tham vấn Doanh nghiệp

1. Cục Kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan, Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan hoặc đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 21 Quy trình này là đầu mối tổ chức tham vấn theo đề nghị của các doanh nghiệp có văn bản mong muốn được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.
2. Thời gian thực hiện tham vấn: Trước khi doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.
3. Nội dung tham vấn: Giải thích, hướng dẫn các quy định, chính sách pháp luật về doanh nghiệp ưu tiên; đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện về doanh nghiệp ưu tiên.
4. Hình thức tham vấn:
 - 4.1. Tham vấn theo hình thức trao đổi bằng văn bản, qua thư điện tử;

4.2. Tham vấn theo hình thức làm việc với doanh nghiệp tại trụ sở cơ quan hải quan;

4.3. Tham vấn theo hình thức làm việc với doanh nghiệp tại trụ sở doanh nghiệp.

Chương II

QUY TRÌNH THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 4. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1. Cục Hải quan nơi doanh nghiệp có trụ sở chính tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên của doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp doanh nghiệp là Chi nhánh hạch toán kế toán độc lập).

2. Cục Kiểm tra sau thông quan - Tổng cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên của dự án trọng điểm Quốc gia được Thủ tướng Chính phủ có ý kiến trước khi cấp phép đầu tư.

Điều 5. Thẩm định hồ sơ

1. Thời gian thẩm định hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2. Nội dung thẩm định hồ sơ:

2.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ theo quy định tại Điều 18 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính;

2.2. Kiểm tra thông tin về doanh nghiệp:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính/ chi nhánh/ nhà máy, người đại diện theo pháp luật, đầu mối liên hệ thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động kinh doanh có điều kiện...

- Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp (doanh thu, lợi nhuận sau thuế,...) từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện.

- Đánh giá tình hình xuất nhập khẩu trên cơ sở hồ sơ doanh nghiệp cung cấp: số liệu xuất khẩu, nhập khẩu, kim ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ: mặt hàng xuất khẩu/nhập khẩu thường xuyên, mặt hàng phải kiểm tra chuyên ngành, loại hình xuất khẩu/nhập khẩu, Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai, đại lý làm thủ tục hải quan, số thuế đã nộp ngân sách hàng năm...

2.3. Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện công nhận doanh nghiệp ưu tiên của doanh nghiệp:

2.3.1. Điều kiện kim ngạch: kiểm tra trên số liệu kim ngạch của 2 năm liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2.3.2. Điều kiện tuân thủ pháp luật:

- Kiểm tra trên dữ liệu vi phạm của doanh nghiệp trong 2 năm liên tục, gần nhất tính đến thời điểm doanh nghiệp có văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.
- Đánh giá về tình hình chấp hành pháp luật hải quan, pháp luật thuế, xếp loại tuân thủ pháp luật, xếp hạng của doanh nghiệp.

2.3.3. Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp, bao gồm cả phương thức, biện pháp, phương tiện, quy trình kiểm soát đảm bảo an ninh an toàn chuỗi cung ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2.4. Trường hợp doanh nghiệp không thường xuyên làm thủ tục hải quan tại địa bàn nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, Cục Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ báo cáo, đề xuất Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) đề giao đơn vị kiểm tra, thẩm định, quản lý nếu doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

3. Xử lý kết quả thẩm định hồ sơ:

3.1. Trường hợp hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 18 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan có văn bản trả lời doanh nghiệp yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung.

3.2. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ điều kiện không đáp ứng, đồng thời báo cáo kết quả gửi về Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

3.3. Trường hợp doanh nghiệp sơ bộ đáp ứng các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên theo kết quả thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan đồng thời xử lý các công việc sau:

3.3.1. Gửi văn bản xin ý kiến Cục Thuế tỉnh, thành phố (hoặc Chi cục Thuế) nơi quản lý doanh nghiệp để đánh giá, xác nhận việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa, việc thực hiện thủ tục thuế điện tử, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa và việc hợp tác giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý thuế.

3.3.2. Trường hợp trong thời gian 24 tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ, doanh nghiệp đã được kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp để đánh giá việc tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Hải quan, Cục Hải quan chấp nhận kết luận kiểm tra đó và tiến hành thẩm định thực tế theo hướng dẫn tại Điều 6 Quy trình này.

3.3.3. Trường hợp phải kiểm tra sau thông quan nhưng không có các vướng mắc về thẩm quyền ban hành quyết định, về địa bàn kiểm tra hoặc các vướng mắc khác, thì Cục trưởng Cục Hải quan ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan và tiến hành thẩm định thực tế theo hướng dẫn tại Điều 6 Quy trình này.

3.3.4. Trường hợp phải kiểm tra sau thông quan nhưng có phát sinh các vướng mắc về thẩm quyền ban hành quyết định, về địa bàn kiểm tra hoặc các vướng mắc khác, xử lý như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ hoặc thuộc kế hoạch kiểm tra theo phê duyệt của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan đã giao cho Cục Hải quan khác, Cục Hải quan có văn bản báo cáo Tổng cục Hải quan (qua Cục Kiểm tra sau thông quan) để quyết định đơn vị kiểm tra.

- Trường hợp trong thời gian 24 tháng liên tục, gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ, doanh nghiệp đã được cơ quan hải quan thanh tra, căn cứ thời điểm thanh tra, kết luận thanh tra và các thông tin phân tích về doanh nghiệp, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) để xem xét quyết định việc kiểm tra sau thông quan để đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế hoặc xác minh thêm thông tin để đánh giá tuân thủ pháp luật.

- Trường hợp doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại nhiều địa bàn, doanh nghiệp có chi nhánh tại nhiều địa bàn hoặc các trường hợp đặc thù khác, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) để được hướng dẫn.

4. Cục Kiểm tra sau thông quan (Tổ Quản lý doanh nghiệp ưu tiên) thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên của dự án nêu tại khoản 2 Điều 4 Quy trình này.

Điều 6. Thẩm định thực tế

1. Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn thẩm định hồ sơ, Cục Hải quan có văn bản thông báo cho doanh nghiệp về kế hoạch, phạm vi, nội dung thẩm định thực tế tại trụ sở doanh nghiệp, gồm: thẩm định các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên và kiểm tra sau thông quan đánh giá tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế (nếu có).

2. Thời gian thẩm định thực tế:

2.1. Trường hợp không phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp để đánh giá tuân thủ pháp luật thì thời gian thẩm định thực tế không quá 03 (ba) ngày làm việc.

2.2. Trường hợp phải kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp để đánh giá tuân thủ pháp luật thì thời gian thực hiện thẩm định thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật Hải quan.

3. Nội dung thẩm định thực tế:

3.1. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp để đánh giá tuân thủ pháp luật (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điều 143 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

3.2. Kiểm tra thực tế các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên, đối chiếu với quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính để kết luận;

3.3. Kiểm tra, đánh giá bộ máy kiểm soát nội bộ, cơ chế kiểm soát tài chính, quy trình nghiệp vụ nội bộ (như quy trình mua, lưu kho, sản xuất, vận chuyển, giao nhận, bán hàng, lưu trữ sổ sách - chứng từ...); Quy trình, biện pháp, phương tiện đảm bảo an ninh an toàn chuỗi cung

ứng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy trình này;

3.4. Đánh giá hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, cơ quan thuế;

3.5. Kết quả thẩm định các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên được cơ quan hải quan và doanh nghiệp ghi nhận bằng biên bản làm việc.

4. Xử lý kết quả thẩm định thực tế:

4.1. Trường hợp Cục Hải quan không thuộc địa bàn quản lý doanh nghiệp kiểm tra sau thông quan, ngay sau khi ban hành Kết luận kiểm tra sau thông quan, Cục Hải quan (Chi cục Kiểm tra sau thông quan) gửi Cục Hải quan nơi doanh nghiệp nộp hồ sơ và Cục Kiểm tra sau thông quan Kết luận kiểm tra sau thông quan để xử lý các bước tiếp theo; việc xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan thực hiện theo quy định hiện hành.

4.2. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, Cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp, nêu rõ điều kiện không đáp ứng, đồng thời báo cáo kết quả gửi về Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

4.3. Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thẩm định thực tế, Cục Hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ lập Báo cáo thẩm định (bao gồm kết quả thẩm định hồ sơ và kết quả thẩm định thực tế) gửi Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

Điều 7. Xử lý Báo cáo thẩm định

Ngay khi nhận được Báo cáo thẩm định từ Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện các công việc sau:

1. Thu thập thông tin về doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu ngành và các nguồn thông tin khác (nếu có);

2. Kiểm tra Báo cáo thẩm định, Kết luận kiểm tra sau thông quan của Cục Hải quan;

Trường hợp Báo cáo thẩm định có sự khác biệt với thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành hoặc thông tin thu thập được và/hoặc Báo cáo thẩm định, Kết luận kiểm tra sau thông quan có nội dung, thông tin, yêu cầu nghiệp vụ cần làm rõ thì Cục Kiểm tra sau thông quan làm việc trực tiếp với Chi cục Kiểm tra sau thông quan - Cục Hải quan và/hoặc doanh nghiệp để yêu cầu giải trình, bổ sung, xác minh, làm rõ thông tin.

3. Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét ban hành Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 8 Quy trình này.

Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục Hải quan trả lời doanh nghiệp và nêu rõ lý do không đáp ứng.

Điều 8. Ban hành Quyết định

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo hoặc kết thúc việc xác minh, làm rõ (nếu có), Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Nội dung của Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên: ngoài các nội dung theo mẫu tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, ghi thêm nơi nhận là các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đã tham gia đánh giá, nhận xét doanh nghiệp để biết và phối hợp quản lý.

2. Tùy theo số lượng doanh nghiệp được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên, Cục Kiểm tra sau thông quan đề xuất Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức trao Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp.

Chương III

ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 9. Ưu tiên về kiểm tra hàng hóa

Được miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.

1. Trường hợp kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm, thực hiện như sau:

1.1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp đăng ký tờ khai hải quan hoặc Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất, cửa khẩu nhập quyết định hình thức, mức độ kiểm tra.

1.2. Nguyên tắc kiểm tra theo quy định tại Điều 23 Thông tư 38/2015/TT- BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

1.3. Kiểm tra hồ sơ: Công chức hải quan yêu cầu doanh nghiệp xuất trình các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan để đối chiếu với các thông tin khai báo trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

1.4. Kiểm tra thực tế hàng hóa: Thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa bằng máy soi. Trường hợp hàng hóa không thể thực hiện kiểm tra thực tế bằng máy soi thì công chức hải quan kiểm tra trực tiếp lô hàng xuất khẩu/ nhập khẩu. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định tỷ lệ kiểm tra.

1.5. Xử lý kết quả kiểm tra:

1.5.1. Chi cục Hải quan cập nhật kết quả kiểm tra vào hệ thống cơ sở dữ liệu hải quan theo quy định.

1.5.2. Trong thời gian 4 giờ làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, Chi cục Hải quan báo cáo nhanh qua fax/ điện thoại về Cục Kiểm tra sau thông quan. Báo cáo phải phân tích, làm rõ dấu hiệu/ nghi vấn trước khi kiểm tra, kết quả kiểm tra, xử lý kết quả kiểm tra, đề xuất (nếu có).

2. Trường hợp kiểm tra ngẫu nhiên, thực hiện như sau:

2.1. Việc kiểm tra ngẫu nhiên thực tế hàng hóa không áp dụng đối với các doanh nghiệp ưu tiên loại hình doanh nghiệp chế xuất.

2.2. Định kỳ, tháng 12 hàng năm, căn cứ kết quả kiểm tra ngẫu nhiên và kết quả theo dõi, quản lý kết quả phân loại doanh nghiệp, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng phê duyệt tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên đối với từng doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

2.3. Căn cứ phê duyệt của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về tỷ lệ kiểm tra ngẫu nhiên hàng năm đối với các doanh nghiệp ưu tiên, Ban Quản lý rủi ro cập nhập thông tin vào hệ thống theo quy định.

2.4. Thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, xử lý kết quả kiểm tra theo quy định tại điểm 1.3, điểm 1.4, điểm 1.5 khoản 1 Điều này. Thời gian kiểm tra ngẫu nhiên đối với 1 (một) lô hàng xuất khẩu/ nhập khẩu, bao gồm cả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa, không quá 2 (hai) giờ. Tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 5% lượng hàng hóa của lô hàng xuất khẩu/ nhập khẩu.

Điều 10. Thông quan bằng tờ khai giấy chưa hoàn chỉnh

Trường hợp đặc biệt, khi Hệ thống dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan gặp sự cố hoặc tạm dừng hoạt động (được Tổng cục Hải quan thông báo chính thức trên hệ thống/ trang điện tử của Tổng cục Hải quan), doanh nghiệp sử dụng tờ khai chưa hoàn chỉnh bằng giấy để làm thủ tục thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì thực hiện như sau:

1. Thời gian từ khi tiếp nhận đến khi trả hồ sơ thông quan cho doanh nghiệp ưu tiên không quá 15 (mười lăm) phút/1 bộ hồ sơ (trừ trường hợp kiểm tra theo quy định tại Điều 9 Quy trình này).

2. Doanh nghiệp khai thông tin vào mẫu (02 bản) theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính và xuất trình tại Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai.

3. Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai cấp số tờ khai và đóng dấu Chi cục lên tờ khai, lưu 01 bản và giao cho doanh nghiệp 01 bản để làm thủ tục thông quan tại các cảng và nộp thuế (nếu có).

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai, người khai hải quan nộp hồ sơ hải quan hoàn chỉnh cho Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp mở tờ khai. Chi cục Hải quan nơi doanh nghiệp ưu tiên mở tờ khai hướng dẫn doanh nghiệp ưu tiên cập nhật dữ liệu tờ khai hải quan vào hệ thống thông quan điện tử.

5. Trường hợp phát sinh số thuế phải nộp lớn hơn số thuế đã nộp, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp bổ sung số thuế chênh lệch và tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về thuế.

Trường hợp phát sinh số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã nộp, doanh nghiệp làm thủ tục hoàn thuế theo quy định.

Điều 11. Ưu tiên thứ tự làm thủ tục hải quan

1. Trường hợp doanh nghiệp gặp vướng mắc trong khâu thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có trách nhiệm trả lời doanh nghiệp bằng văn bản trong thời gian 8 (tám) giờ làm việc kể từ thời điểm phát sinh vướng mắc.

2. Cục Hải quan có trách nhiệm, phối hợp các tổ chức kinh doanh cảng, kho bãi trên địa bàn quản lý áp dụng các ưu tiên về xếp dỡ, thứ tự giao nhận đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ưu tiên.

Điều 12. Ưu tiên về thủ tục thuế

1. Trên cơ sở hồ sơ quyết toán tình hình sử dụng nguyên vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ không thu thuế của doanh nghiệp ưu tiên, Chi cục Hải quan thực hiện kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại khoản 7 Điều 129 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, ra quyết định hoàn thuế, không thu thuế trong thời gian 1 (một) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp;

2. Chi cục Hải quan nơi hoàn thuế, không thu thuế cập nhật các thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thông tin hoàn, không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Điều 131 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

3. Theo nguyên tắc quản lý rủi ro, Cục Kiểm tra sau thông quan tổ chức thực hiện kiểm tra việc quyết toán, hoàn thuế, không thu thuế tại trụ sở doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 25 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, số lần kiểm tra không quá 1 (một) lần trong 3 (ba) năm liên tục.

Điều 13. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ

Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ của doanh nghiệp ưu tiên và đối tác của doanh nghiệp ưu tiên, Chi cục Hải quan không kiểm tra thực tế hàng hóa theo quy định tại Khoản 6 Điều 86 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 14. Thủ tục đối với hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành thực hiện trên cơ sở doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai báo, thủ tục kiểm tra chuyên ngành. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để thực hiện kiểm tra sau.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LẠI, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 15. Đánh giá lại

Chậm nhất trong vòng 60 (sáu mươi) ngày đến thời hạn gia hạn chế độ ưu tiên, Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện rà soát thông tin, đánh giá lại doanh nghiệp. Nội dung công việc gồm:

1. Cục Kiểm tra sau thông quan có văn bản gửi Cục Thuế/Chi cục Thuế nơi doanh nghiệp có trụ sở chính đề nghị đánh giá về doanh nghiệp.

2. Trên cơ sở báo cáo đánh giá định kỳ của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các thông tin khác trong quá trình quản lý, theo dõi hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, nếu vẫn đáp ứng đủ điều kiện thì Cục Kiểm tra sau thông quan lập báo cáo đánh giá về doanh nghiệp trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.

3. Trường hợp, các doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện theo quy định nhưng có những nội dung cần khuyến nghị nhằm kiểm soát tốt, đảm bảo duy trì tính tuân thủ thì thông báo cho doanh nghiệp các khuyến nghị cần cải thiện, thực hiện bằng văn bản. Cục Kiểm tra sau thông quan kiểm tra phối hợp, hướng dẫn doanh nghiệp tổ chức thực hiện.

Điều 16. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Nếu doanh nghiệp vi phạm các quy định tại Điều 21 Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. Thời gian tạm đình chỉ là 60 ngày.

2. Sau khi doanh nghiệp khắc phục sai phạm và vẫn đáp ứng điều kiện chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Tổng cục trưởng ban hành Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ.

Điều 17. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Doanh nghiệp bị đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên nếu thuộc một trong ba trường hợp sau:

1.1. Doanh nghiệp đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên;

1.2. Hết thời hạn tạm đình chỉ, doanh nghiệp không thực hiện các quy định tại Điều 45 Luật Hải quan;

1.3. Doanh nghiệp không còn đáp ứng một trong các điều kiện áp dụng chế độ doanh nghiệp ưu tiên.

Cục Kiểm tra sau thông quan căn cứ dữ liệu ngành, báo cáo của Cục Hải quan, Kết quả kiểm tra (nếu có) của Cục Kiểm tra sau thông quan, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

quyết định trường hợp doanh nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện về doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư 72/2015/TT-BTC ngày 12/5/2015 của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên, trong thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, Cục Kiểm tra sau thông quan trình Lãnh đạo Tổng cục Hải quan ký ban hành Quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị dừng áp dụng chế độ ưu tiên tại Cục Hải quan, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) để xử lý.

Chương V

QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 18. Trách nhiệm quản lý của Cục Hải quan

1. Cục trưởng Cục Hải quan trực tiếp hoặc giao 01 Phó Cục trưởng điều phối công tác doanh nghiệp ưu tiên, chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh của doanh nghiệp ưu tiên trên địa bàn quản lý.

2. Cục Hải quan có trách nhiệm tra cứu, nắm danh sách doanh nghiệp ưu tiên theo Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trên phần mềm STQ_01, thông báo đến các Chi cục Hải quan bằng văn bản danh sách các doanh nghiệp ưu tiên.

3. Tại trụ sở Cục Hải quan, Chi cục Hải quan trên toàn quốc phải có thông báo đầu mối liên hệ (tên, số điện thoại di động) của cán bộ hải quan chịu trách nhiệm trực tiếp tiếp nhận, thực hiện hoặc là đầu mối tổng hợp xử lý hồ sơ hải quan của doanh nghiệp ưu tiên, bao gồm cả làm thủ tục hải quan, trả hồ sơ thông quan cho doanh nghiệp ưu tiên (dưới đây gọi tắt là cán bộ chuyên trách). Thông báo này được thông tin trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan (nếu có) và đặt tại vị trí dễ người khai hải quan dễ quan sát, dễ thấy tại Chi cục Hải quan.

4. Hàng tháng, trong vòng 5 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, Chi cục Hải quan thực hiện thông quan hàng hóa cho doanh nghiệp ưu tiên báo cáo tình hình doanh nghiệp ưu tiên, khuyến nghị, nghi vấn (nếu có) đối với doanh nghiệp về Chi cục Kiểm tra sau thông quan.

5. Tại Chi cục Kiểm tra sau thông quan: phân công cán bộ chuyên quản hoặc bộ phận chuyên quản (tùy theo số lượng doanh nghiệp ưu tiên thuộc địa bàn quản lý). Cán bộ (hoặc bộ phận) này thực hiện trách nhiệm quản lý doanh nghiệp ưu tiên. Nội dung quản lý gồm:

5.1. Tổng hợp thông tin, dữ liệu từ các Chi cục Hải quan cửa khẩu, phân tích hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp (mã số hàng hóa, số lượng, xuất xứ, chính sách mặt hàng, trị giá, nợ thuế...) để đánh giá việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoặc phát hiện kịp thời dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

5.2. Trường hợp phát hiện sai sót, vi phạm, lập báo cáo và đề xuất biện pháp kiểm tra, xử lý (qua email, fax) về Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

5.3. Hàng quý (trong vòng 5 ngày làm việc đầu tiên mỗi quý), Cục Hải quan tỉnh, thành phố báo cáo về Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) đánh giá tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, quá trình, kết quả xử lý các vấn đề vướng mắc, sai sót, vi phạm đã xảy ra; tình hình phối hợp của các Chi cục Hải quan khi làm thủ tục cho doanh nghiệp ưu tiên.

6. Phối hợp làm việc với Cục Kiểm tra sau thông quan khi có yêu cầu.

Điều 19. Trách nhiệm của Cục Kiểm tra sau thông quan

1. Cập nhật danh sách các doanh nghiệp ưu tiên vào hệ thống STQ_01.

2. Hàng quý, Cục Kiểm tra sau thông quan thu thập thông tin từ cơ sở dữ liệu của ngành, đầu mối phía doanh nghiệp ưu tiên, các Chi cục Kiểm tra sau thông quan để lập báo cáo đánh giá tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp, các dấu hiệu, đề xuất (nếu có) để có biện pháp quản lý phù hợp.

3. Định kỳ không quá 1 lần trong thời gian 3 năm liên tục, ngoài việc kiểm tra, đối chiếu, đánh giá các thông tin do doanh nghiệp ưu tiên gửi tới và các thông tin thu thập được, trên cơ sở xác định kiểm tra trọng tâm, trọng điểm các nội dung có rủi ro cao, chọn mẫu kiểm tra, Cục Kiểm tra sau thông quan lập kế hoạch làm việc với doanh nghiệp để kiểm tra việc quyết toán, hoàn thuế, không thu thuế, khảo sát thực tế theo chuyên đề tại doanh nghiệp ưu tiên để đánh giá và giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng tuân thủ pháp luật.

4. Thực hiện các thủ tục gia hạn chế độ ưu tiên cho doanh nghiệp theo quy định.

5. Căn cứ thông tin thu thập, dấu hiệu vi phạm do các đơn vị khác chuyển đến, xác minh, đề xuất Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp.

6. Đối với các dự án ưu tiên, sau khi dự án chính thức đi vào hoạt động, thực hiện khảo sát, đánh giá, khuyến nghị đảm bảo doanh nghiệp đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên.

Điều 20. Trách nhiệm của các Cục, Vụ thuộc Tổng cục Hải quan

Trường hợp các Cục, Vụ thuộc Tổng cục Hải quan phát hiện ra các sai phạm hoặc các dấu hiệu sai phạm liên quan đến các doanh nghiệp đã được công nhận doanh nghiệp ưu tiên, có trách nhiệm chuyển thông tin để Cục Kiểm tra sau thông quan chủ trì kiểm tra, xử lý.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

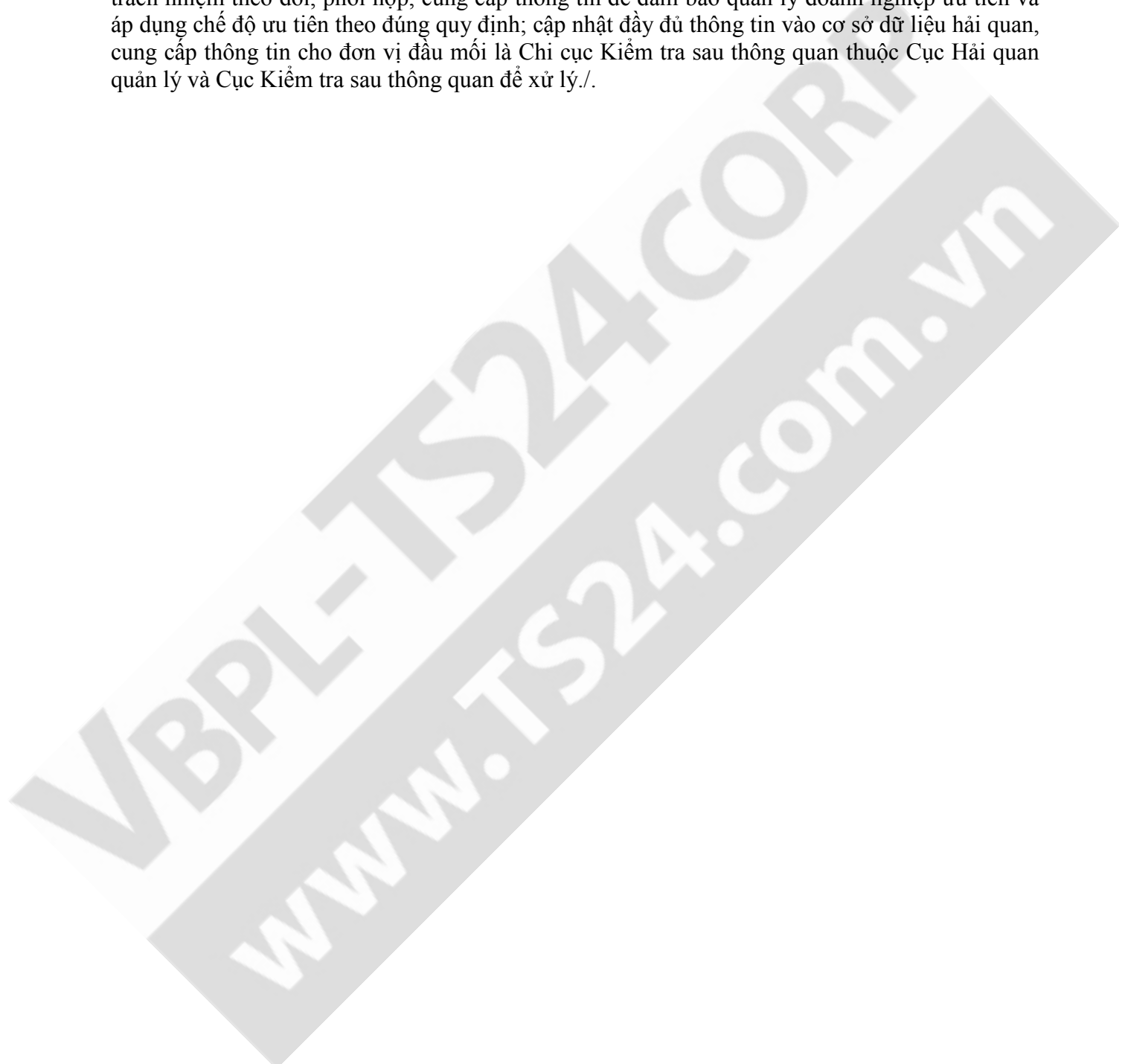
1. Chi cục Kiểm tra sau thông quan là đơn vị đầu mối tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, thẩm định điều kiện công nhận doanh nghiệp ưu tiên, theo dõi, quản lý doanh nghiệp ưu tiên và xử lý các vướng mắc của doanh nghiệp ưu tiên thuộc phạm vi quản lý của Cục Hải quan.

Trường hợp Cục Hải quan không có Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan giao một đơn vị là đầu mối chủ trì xử lý các công việc nêu tại khoản này.

2. Cục Kiểm tra sau thông quan thực hiện các thủ tục công nhận doanh nghiệp ưu tiên, gia hạn, đình chỉ, tạm đình chỉ, quản lý doanh nghiệp ưu tiên; điều phối thực hiện thống nhất các quy định về chế độ ưu tiên trong toàn ngành; là đơn vị tham mưu, giúp Tổng cục trưởng tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, vụ việc liên quan đến doanh nghiệp ưu tiên.

Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ liên quan đến thẩm định, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, quản lý doanh nghiệp ưu tiên, tổ chức đào tạo, tuyên truyền rộng rãi trong và ngoài ngành về chế độ doanh nghiệp ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm theo dõi, phối hợp, cung cấp thông tin để đảm bảo quản lý doanh nghiệp ưu tiên và áp dụng chế độ ưu tiên theo đúng quy định; cập nhật đầy đủ thông tin vào cơ sở dữ liệu hải quan, cung cấp thông tin cho đơn vị đầu mối là Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Hải quan quản lý và Cục Kiểm tra sau thông quan để xử lý./.



PHỤ LỤC I

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BIỆN PHÁP, PHƯƠNG TIỆN, QUY TRÌNH KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐẢM BẢO AN NINH AN TOÀN DÂY CHUYỀN CUNG ỨNG HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo quy trình thuộc Quyết định số 2659/QĐ-TCHQ ngày 14/9/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

1. Theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa từ doanh nghiệp đến cảng và từ cảng về doanh nghiệp:

a) Lập hệ thống sổ hoặc các biện pháp theo dõi, ghi nhận hành trình vận chuyển hàng hóa đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đúng thời gian, kế hoạch.

b) Toàn bộ các chủ thể liên quan trong quá trình vận chuyển hàng hoá được đào tạo, hướng dẫn để đảm bảo an ninh của chuyến hàng. Các chủ thể có trách nhiệm báo cáo về bất cứ trường hợp có nghi vấn hoặc có dấu hiệu bất thường với cơ quan hải quan hoặc nhân viên thuộc bộ phận an ninh của doanh nghiệp để tiếp tục điều tra hoặc lưu thành báo cáo để cung cấp cho cơ quan hải quan khi cần thiết.

2. Kiểm tra an toàn container trước khi xếp hàng lên phương tiện vận tải. Doanh nghiệp ban hành nội quy, bảng hướng dẫn các bước kiểm tra an toàn container, cụ thể như sau:

a) Kiểm tra, kiểm soát container trước khi sử dụng để đảm bảo:

+ Hàng hóa an toàn trong quá trình vận chuyển.

+ Bản lề, chốt khóa đảm bảo tránh nguy cơ bị mở ra, thay đổi hàng hóa bên trong mà chì vẫn được kẹp nguyên vẹn.

+ Kiểm soát để tránh tình trạng cố tình sửa chữa, làm vách giả, lợi dụng lỗ rỗng của khung container, lợi dụng các thanh chịu lực phía dưới gầm container để giấu hàng hóa nguy hiểm hoặc hàng quốc cấm.

+ Sử dụng chì tiêu chuẩn có giấy chứng nhận chì an toàn của tổ chức giám định.

+ Kiểm soát chì trước và sau sử dụng tránh việc sử dụng bất hợp pháp.

b) Kiểm tra các lớp xe chở container xem có đảm bảo an toàn trong vận chuyển hay không;

c) Kiểm tra kẹp chì, bao gồm thủ tục phát hiện và báo cáo khi kẹp chì, phương tiện vận tải;

d) Đảm bảo rằng chỉ có nhân viên được chỉ định mới được phép kiểm tra;

đ) Kiểm tra các bản lề và chốt khóa container xem có đảm bảo an toàn hay không;

e) Kiểm tra 7 điểm trên container: Vách trước (vách đối diện cửa container); vách trái; vách phải; mặt sàn chứa hàng; trần/ nóc; cửa bên trong/ cửa bên ngoài xem có sự hỏng hóc, bị thủng;

g) Kiểm tra số container có đúng với hợp đồng vận chuyển do đối tác thông báo trước hay không;

h) Thường xuyên kiểm tra, cập nhật các biện pháp an ninh của doanh nghiệp để đảm bảo rằng những người không có thẩm quyền không thể xâm nhập đến khu vực hàng hóa với mục đích không hợp pháp;

i) Các nội dung kiểm tra nêu trên phải được lập thành bảng in sẵn và người kiểm tra tích đầy đủ các nội dung và lưu theo quy định.

3. Giám sát tại các vị trí quan trọng:

a) Có hệ thống camera hoặc có quy trình giám sát tại các khu vực tường rào, cổng ra vào, kho bãi, khu vực sản xuất, khu vực hành chính;

b) Có hệ thống đèn chiếu sáng bên trong và bên ngoài tại các khu vực: lối vào, lối ra, bốc xếp dỡ hàng, khu vực nhà kho, hàng rào bảo vệ và nơi để xe

c) Tại các cổng nơi phương tiện vận tải ra vào, phải có đội ngũ bảo vệ để giám sát, quản lý. Đảm bảo phương tiện vận tải dừng đỗ xe ở đúng nơi quy định và các xe ra, vào phải được đăng ký.

4. Phân quyền công nhân viên di chuyển, làm việc tại các khu vực phù hợp với nhiệm vụ

a) Doanh nghiệp có thủ tục kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng các nhân viên làm việc tại các khu vực đúng với nhiệm vụ được phân công

b) Tại các khu vực an ninh nhạy cảm (khu vực xếp dỡ hàng, nhà kho,...), chỉ có các nhân viên được phân công mới được phép ra vào.

5. Kiểm soát an ninh hệ thống công nghệ thông tin

a) Trường hợp doanh nghiệp ưu tiên là doanh nghiệp xuất khẩu, có quy trình để đảm bảo rằng tất cả các thông tin sử dụng để thông quan hàng hóa là hợp pháp, đầy đủ, chính xác, tránh trường hợp bị rò rỉ hoặc bị thay đổi;

b) Có các chính sách, quy trình kiểm soát an ninh thông tin như tường lửa, mật khẩu, các phần mềm bảo mật, mã hóa... để đảm bảo hệ thống điện tử của doanh nghiệp không bị truy cập bất hợp pháp. Đảm bảo các thông tin nhạy cảm của doanh nghiệp được bảo mật, an toàn. Chỉ được cung cấp thông tin khi nó được dùng vào đúng mục đích;

c) Có quy trình và khả năng khôi phục trong trường hợp mất dữ liệu.

6. An ninh nhân sự

a) Khi tuyển nhân sự cao cấp hoặc làm việc ở vị trí quan trọng (giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng kinh doanh), nhân viên an ninh,... doanh nghiệp cần lưu ý về nhân thân người được tuyển để biết chắc chắn rằng trước đó họ có hay không bị buộc tội về những vấn đề liên quan đến an ninh, vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế hay vi phạm hình sự trong nước;

b) Thực hiện kiểm tra định kỳ thông tin cơ bản về những nhân viên làm việc trong các vị trí an ninh nhạy cảm;

c) Có biện pháp nhận diện nhân viên và yêu cầu tất cả nhân viên đeo thẻ của công ty;

d) Có biện pháp để ngăn chặn những nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động truy cập vào hệ thống thông tin và cơ sở vật chất của Công ty.

